



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **QUÝ I NĂM 2022**

Đà Nẵng, tháng 04 năm 2022

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2022**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (31/03/2022)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2022)</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.443.567.137.689</b>	<b>1.605.615.707.684</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>30.786.780.527</b>	<b>58.586.417.754</b>
1 . Tiền	111	V.1	22.763.812.477	50.563.449.704
2 . Các khoản tương đương tiền	112		8.022.968.050	8.022.968.050
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>212.885.000.000</b>	<b>119.955.000.000</b>
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	212.885.000.000	119.955.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>595.070.934.459</b>	<b>528.809.007.805</b>
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	542.320.238.885	485.922.363.886
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.068.511.466	43.995.355.569
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		354.600.000	488.100.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.477.847.179	5.614.168.036
5 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(7.150.263.071)	(7.210.979.686)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>567.145.676.257</b>	<b>857.148.182.643</b>
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	567.983.779.345	858.059.229.755
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(838.103.088)	(911.047.112)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.678.746.446</b>	<b>41.117.099.482</b>
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	7.798.659.304	9.655.091.330
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	29.879.713.908	31.462.008.152
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	373.234	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>SỐ CUỐI KỲ (31/03/2022)</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2022)</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>756.554.517.140</b>	<b>735.148.924.587</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.966.243.345</b>	<b>3.959.430.014</b>
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.965.100.000	994.100.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.001.143.345	2.965.330.014
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>680.983.090.184</b>	<b>672.855.117.891</b>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	679.298.016.154	670.989.694.477
- Nguyên giá	222		1.880.554.713.522	1.849.460.034.252
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.201.256.697.368)	(1.178.470.339.775)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.685.074.030	1.865.423.414
- Nguyên giá	228		11.203.228.209	11.203.228.209
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.518.154.179)	(9.337.804.795)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.070.239.303</b>	<b>14.352.120.576</b>
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	16.070.239.303	14.352.120.576
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>16.649.929.027</b>	<b>16.438.680.283</b>
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.403.371.033	15.192.122.289
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
3 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.509.144.006)	(6.509.144.006)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.9	<b>33.885.015.281</b>	<b>27.543.575.823</b>
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261		33.885.015.281	27.543.575.823
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.200.121.654.829</b>	<b>2.340.764.632.271</b>

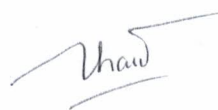
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2022)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2022)
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.468.185.363.172</b>	<b>1.686.965.963.589</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.158.833.736.326</b>	<b>1.374.869.345.296</b>
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	181.779.537.322	334.619.044.523
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.612.732.788	41.751.907.473
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	18.305.049.276	17.503.233.969
4 . Phải trả người lao động	314		292.621.582.397	328.122.204.212
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	6.434.413.887	4.609.214.726
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		882.532.918	85.280.315
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	26.351.888.136	25.932.598.543
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	554.433.791.335	553.070.761.077
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	60.412.208.267	69.175.100.458
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>309.351.626.846</b>	<b>312.096.618.293</b>
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		7.509.814.960	10.740.759.952
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	301.841.811.886	301.355.858.341
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>731.936.291.657</b>	<b>653.798.668.682</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>731.936.291.657</b>	<b>653.798.668.682</b>
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.250.000.000	236.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.250.000.000	236.250.000.000
2 . Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.176.340.000	1.176.340.000,00
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		140.963.518.580	140.963.518.580
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		307.420.291.302	234.646.810.143
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		234.646.810.143	46.452.467.056
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		72.773.481.159	188.194.343.087
5 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		46.126.141.775	40.761.999.959
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.200.121.654.829</b>	<b>2.340.764.632.271</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022**

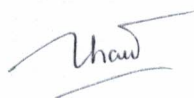
**Mẫu B 02a – DN/HN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

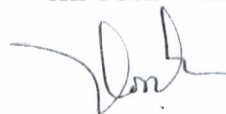
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2022	năm 2021	năm 2022	năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.345.124.871.291	722.439.589.898	1.345.124.871.291	722.439.589.898
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		61.180.824	113.785.955	61.180.824	113.785.955
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.345.063.690.467	722.325.803.943	1.345.063.690.467	722.325.803.943
4. Giá vốn hàng bán	11		1.189.672.830.286	649.442.754.217	1.189.672.830.286	649.442.754.217
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		155.390.860.181	72.883.049.726	155.390.860.181	72.883.049.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	15.212.642.606	5.870.829.824	15.212.642.606	5.870.829.824
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	9.628.519.486	6.652.186.683	9.628.519.486	6.652.186.683
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		4.543.926.819	4.005.483.993	4.543.926.819	4.005.483.993
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24		211.248.744	255.679.916	211.248.744	255.679.916
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	33.586.280.052	19.854.663.107	33.586.280.052	19.854.663.107
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	36.875.088.989	28.070.736.852	36.875.088.989	28.070.736.852
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		90.724.863.004	24.431.972.824	90.724.863.004	24.431.972.824
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.493.551.525	220.599.866	1.493.551.525	220.599.866
13. Chi phí khác	32	VI.7	620.687.379	618.348.130	620.687.379	618.348.130
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		872.864.146	(397.748.264)	872.864.146	(397.748.264)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		91.597.727.150	24.034.224.560	91.597.727.150	24.034.224.560
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.460.104.175	1.492.949.226	13.460.104.175	1.492.949.226
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		78.137.622.975	22.541.275.334	78.137.622.975	22.541.275.334
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		72.773.481.159	20.823.409.337	72.773.481.159	20.823.409.337
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.364.141.816	1.717.865.997	5.364.141.816	1.717.865.997
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	3.080	925
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**Phạm Anh Thảo**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**




**Nguyễn Thị Tường Long**

**Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2022**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Hải**

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>91.597.727.150</b>	<b>24.034.224.560</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		31.602.013.480	32.443.098.106
- Các khoản dự phòng	03		(133.660.639)	(58.171.457)
- Lãi/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.930.793.786	1.527.623.084
- Lãi/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.029.292.810)	(950.501.117)
- Chi phí lãi vay	06		4.543.926.819	4.005.483.993
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động ( 08 = 01+02+03+04+05+06 )</b>	<b>08</b>		<b>128.511.507.786</b>	<b>61.001.757.169</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.091.113.851)	11.604.592.662
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		290.075.450.410	54.436.362.783
- Tăng, giảm các khoản phải trả( không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(214.267.831.283)	(124.236.247.971)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.506.910.045)	988.674.717
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.908.788.975)	(4.288.425.360)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.120.482.838)	(2.723.155.177)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		26.814.915	176.328.823
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.789.707.106)	(4.932.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>112.928.939.013</b>	<b>(7.972.112.354)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(42.901.951.605)	(20.982.765.681)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		313.300.000	86.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(113.982.000.000)	(21.030.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.214.500.000	649.100.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		504.744.066	608.457.564
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(139.851.407.539)</b>	<b>(40.668.844.480)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.051.652.714.248	673.599.715.129
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.052.524.022.449)	(586.827.774.167)
4. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.860.500)	(72.978.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(877.168.701)</b>	<b>86.698.962.962</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(27.799.637.227)</b>	<b>38.058.006.128</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>58.586.417.754</b>	<b>44.218.004.444</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>30.786.780.527</b>	<b>82.276.010.572</b>

Đà Nẵng, Ngày 20 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**I. Đặc điểm hoạt động:**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**2. Đơn vị tiền tệ kế toán:**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Cơ sở hợp nhất:**

**1.1. Công ty con:**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**1.3. Công ty liên kết:**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

**2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**

\* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

\* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

\* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

**10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
  - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
  - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
  - Thuế suất 8%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022.
  - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam**

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt tại quỹ	114.823.532	117.040.289
_VND	<i>114.823.532</i>	<i>117.040.289</i>
Tiền gửi ngân hàng	22.648.988.945	50.446.409.415
_VND	<i>8.527.140.844</i>	<i>40.587.063.508</i>
_USD	<i>14.116.325.219</i>	<i>9.853.729.499</i>
_EURO	<i>5.522.882</i>	<i>5.616.408</i>
Tương đương tiền	8.022.968.050	8.022.968.050
<b>Cộng</b>	<b><u>30.786.780.527</u></b>	<b><u>58.586.417.754</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính:**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	<u>31/03/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>- Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	212.885.000.000	212.885.000.000	119.955.000.000	119.955.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>212.885.000.000</u></b>	<b><u>212.885.000.000</u></b>	<b><u>119.955.000.000</u></b>	<b><u>119.955.000.000</u></b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	8.975.371.033	6.428.000.000	8.764.122.289
<b>Cộng</b>	<b>10.428.000.000</b>	<b>4.975.371.033</b>	<b>10.428.000.000</b>	<b>4.764.122.289</b>

**\* Đầu tư vào đơn vị khác**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(209.144.006)	855.702.000	(209.144.006)
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.509.144.006)</b>	<b>7.755.702.000</b>	<b>(6.509.144.006)</b>

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
<b>Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	248.790.745	320.823.618
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.579.277.726	17.873.692.120
<b>Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	260.631.870	253.909.672
Mua hàng hóa và dịch vụ	25.005.012.861	17.422.139.856
<b>Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	517.519.654	655.682.728
Mua hàng hóa và dịch vụ	37.477.630.955	6.055.294.281

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:****a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	<b>31/03/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	<i>192.404.420.984</i>	<i>139.699.775.309</i>
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	<i>123.120.602.844</i>	<i>126.145.167.202</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>226.795.215.057</i>	<i>220.077.421.375</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>542.320.238.885</b>	<b>485.922.363.886</b>

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

	<b>31/03/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh</i>	<i>-</i>	<i>99.706.524</i>
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	<i>86.209.561</i>	<i>131.545.680</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.209.561</b>	<b>231.252.204</b>

**4. Các khoản phải thu khác:**

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.385.508.202	-	1.218.142.241	-
Ký cược, ký quỹ	227.896.000	-	228.866.300	-
Phải thu khác	4.864.442.977	-	4.167.159.495	-
<b>Cộng</b>	<b>6.477.847.179</b>	<b>-</b>	<b>5.614.168.036</b>	<b>-</b>

**b, Phải thu dài hạn khác:**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	551.143.345	-	515.330.014	-
<b>Cộng</b>	<b>3.001.143.345</b>	<b>-</b>	<b>2.965.330.014</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho:**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.973.043.359	-	143.046.172.229	-
Nguyên vật liệu	259.531.721.653	-	249.105.703.724	-
Công cụ dụng cụ	1.077.297.057	-	1.045.994.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	266.702.631.503	-	373.904.283.135	-
Thành phẩm	29.691.633.789	(644.410.030)	38.848.313.457	(708.667.048)
Hàng hóa	3.624.635.888	(193.693.058)	5.264.115.298	(202.380.064)
Hàng gửi đi bán	4.382.816.096	-	46.844.647.220	-
<b>Cộng</b>	<b>567.983.779.345</b>	<b>(838.103.088)</b>	<b>858.059.229.755</b>	<b>(911.047.112)</b>



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Tài sản cố định hữu hình:**

Chỉ tiêu	Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2022		425.963.448.531	1.249.268.643.283	70.175.602.659	8.619.762.098	95.432.577.681	1.849.460.034.252
Mua mới trong năm		104.730.636	4.651.348.493	1.301.050.000	270.300.000	207.500.000	6.534.929.129
Chuyển từ XDCB dở dang		25.411.434.831	658.795.810	4.148.632.182	-	2.954.291.208	33.173.154.031
Phân loại lại tài sản		-	(3.406.316.277)	3.406.316.277	-	-	-
Thanh lý		-	(8.613.403.890)	-	-	-	(8.613.403.890)
- Số dư tại ngày 31/03/2022		451.479.613.998	1.242.559.067.419	79.031.601.118	8.890.062.098	98.594.368.889	1.880.554.713.522
<b>Giá trị đã hao mòn</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2022		175.181.540.103	876.940.683.908	39.275.834.241	7.269.482.029	79.802.799.494	1.178.470.339.775
Khấu hao trong kỳ		5.629.768.535	21.963.951.205	1.799.280.124	148.818.726	1.857.942.893	31.399.761.483
Thanh lý		-	(8.613.403.890)	-	-	-	(8.613.403.890)
- Số dư tại ngày 31/03/2022		180.811.308.638	890.291.231.223	41.075.114.365	7.418.300.755	81.660.742.387	1.201.256.697.368
<b>Giá trị còn lại</b>							
- Số dư tại ngày 01/01/2021		250.781.908.428	372.327.959.375	30.899.768.418	1.350.280.069	15.629.778.187	670.989.694.477
- Số dư tại ngày 31/03/2022		270.668.305.360	352.267.836.196	37.956.486.753	1.471.761.343	16.933.626.502	679.298.016.154

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 655.668 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

**Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định vô hình:**

	<b>Phần mềm</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2022	11.203.228.209
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2022</b>	<b>11.203.228.209</b>
<b>Khấu hao</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2022	9.337.804.795
Tăng trong kỳ	180.349.384
Giảm trong kỳ	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2022</b>	<b>9.518.154.179</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.865.423.414
<b>Số dư tại ngày 31/03/2022</b>	<b>1.685.074.030</b>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 7.138 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<b>31/03/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	14.106.592.612	12.685.845.477
+ Các công trình khác	1.963.646.691	1.666.275.099
<b>Cộng</b>	<b>16.070.239.303</b>	<b>14.352.120.576</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước:**

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.798.659.304	9.655.091.330
<b>b. Dài hạn:</b>		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	33.885.015.281	27.543.575.823
<b>c. Lợi thế thương mại</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<u><b>41.683.674.585</b></u>	<u><b>37.198.667.153</b></u>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn:**

- *Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:*

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
HULTAFORS GROUP AB	31.159.626.057	44.776.318.875
KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD	15.248.789.339	36.430.638.305
Các nhà cung cấp khác	135.371.121.926	253.412.087.343
	<u><b>181.779.537.322</b></u>	<u><b>334.619.044.523</b></u>

**\* Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh	-	12.025.365
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.020.798.553	16.103.745.493
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	13.911.158.222	8.334.074.082
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>22.931.956.775</b></u>	<u><b>24.449.844.940</b></u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

**Mẫu B 03a – DN**  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:**

**a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:**

	01/01/2022	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2022
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	373.234	-	-	373.234,00
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>373.234</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>373.234,00</b>

**b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:**

	01/01/2022	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/03/2022
Thuế GTGT bán hàng nội địa	8.023.760.896	38.118.768.427	(19.810.265.900)	(22.293.477.480)	-	4.038.785.943
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.988.879.880	(5.988.879.880)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	207.330.386	2.145.955.109	(2.119.811.293)	-	-	233.474.202
Thuế thu nhập DN	9.080.213.740	13.460.104.175	(9.120.482.838)	-	-	13.419.835.077
Thuế thu nhập cá nhân	188.574.250	3.239.720.915	(3.100.033.811)	-	-	328.261.354
Các loại thuế khác	3.354.697	1.016.782.416	(735.444.413)	-	-	284.692.700
<b>Cộng</b>	<b>17.503.233.969</b>	<b>63.970.210.922</b>	<b>(40.874.918.135)</b>	<b>(22.293.477.480)</b>	<b>-</b>	<b>18.305.049.276</b>

**c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:**

	01/01/2022	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2022
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	31.462.008.152	56.160.941.811	(35.441.728.535)	(22.293.477.480)	(8.030.040)	29.879.713.908
<b>Cộng</b>	<b>31.462.008.152</b>	<b>56.160.941.811</b>	<b>(35.441.728.535)</b>	<b>(22.293.477.480)</b>	<b>(8.030.040)</b>	<b>29.879.713.908</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	<b>31/03/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	<i>696.995.339</i>	<i>390.489.935</i>
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>11.249.637</i>	<i>376.111.793</i>
<i>Chi phí thuê đất</i>	<i>2.912.111.361</i>	<i>-</i>
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	<i>1.126.856.599</i>	<i>2.027.700.398</i>
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng</i>	<i>1.523.647.616</i>	<i>1.609.404.924</i>
<i>Các chi phí khác</i>	<i>163.553.335</i>	<i>205.507.676</i>
<b>Cộng</b>	<b>6.434.413.887</b>	<b>4.609.214.726</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác:**

	<b>31/03/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	<i>15.333.396.813</i>	<i>17.404.033.529</i>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>-</i>	<i>14.475.299</i>
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>160.000.000</i>	<i>165.000.000</i>
<i>Lãi cổ tức phải trả</i>	<i>978.336.100</i>	<i>984.196.600</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>9.880.155.223</i>	<i>7.364.893.115</i>
<b>Cộng</b>	<b>26.351.888.136</b>	<b>25.932.598.543</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

**Mẫu B 03a – DN**  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Vay và nợ thuê tài chính:**

*a, Vay ngắn hạn:*

	31/03/2022	Phát sinh trong kỳ		01/01/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	105.627.050.447	165.713.161.545	245.484.654.877	185.398.543.779
+ Ngân hàng 2	95.063.616.925	168.352.073.374	151.231.383.091	77.942.926.642
+ Ngân hàng 3	220.460.808.827	608.034.964.020	593.249.742.279	205.675.587.086
+ Ngân hàng 4	44.457.543.661	54.755.025.700	47.930.731.546	37.633.249.507
+ Ngân hàng 5	57.000.000.000	57.000.000.000	-	-
+ Ban liên lạc hưu trí	270.206.000	21.206.000	-	249.000.000
<b>Cộng</b>	<b>522.879.225.860</b>	<b>1.053.876.430.639</b>	<b>1.037.896.511.793</b>	<b>506.899.307.014</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*b, Vay dài hạn:*

	31/03/2022	Phát sinh trong kỳ		01/01/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	74.745.078.709	-	-	74.745.078.709
+ Ngân hàng 2	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	203.066.733.177	485.953.545	-	202.580.779.632
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	4.030.000.000	-	-	4.030.000.000
<b>Cộng</b>	<b>301.841.811.886</b>	<b>485.953.545</b>	<b>-</b>	<b>301.355.858.341</b>

*c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:*

	31/03/2022	Phát sinh trong kỳ		01/01/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	31.554.565.475	10.622.068	14.627.510.656	46.171.454.063
<b>Cộng</b>	<b>31.554.565.475</b>	<b>10.622.068</b>	<b>14.627.510.656</b>	<b>46.171.454.063</b>

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	225.000.000.000	131.581.249.354	93.703.298.049	-	27.705.259.573	477.989.806.976
- Tăng vốn trong năm	11.250.000.000	-	(1.176.340.000)	1.176.340.000	-	11.250.000.000
- Phân bổ vào các quỹ	-	9.382.269.226	(9.382.269.226)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	188.194.343.087	-	13.257.805.014	201.452.148.101
- Cổ tức	-	-	(33.750.000.000)	-	(80.210.000)	(33.830.210.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(2.942.221.767)	-	(120.854.628)	(3.063.076.395)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>140.963.518.580</b>	<b>234.646.810.143</b>	<b>1.176.340.000</b>	<b>40.761.999.959</b>	<b>653.798.668.682</b>
Số dư tại ngày 01/01/2022	236.250.000.000	140.963.518.580	234.646.810.143	1.176.340.000	40.761.999.959	653.798.668.682
- Lãi trong năm	-	-	72.773.481.159	-	5.364.141.816	78.137.622.975
<b>Số dư tại ngày 31/03/2022</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>140.963.518.580</b>	<b>307.420.291.302</b>	<b>1.176.340.000</b>	<b>46.126.141.775</b>	<b>731.936.291.657</b>

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/03/2022	01/01/2022
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	146.156.210.000	146.156.210.000
Vốn góp của các đối tượng khác	90.093.790.000	90.093.790.000
<b>Cộng</b>	<b>236.250.000.000</b>	<b>236.250.000.000</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**c, Cổ phiếu:**

	<b>31/03/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.625.000	23.625.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	23.625.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.625.000	23.625.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	23.625.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:**

	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>69.175.100.458</b>
Tăng khác trong kỳ	26.814.915
Sử dụng trong kỳ	(8.789.707.106)
<b>Số dư tại ngày 31/03/2022</b>	<b>60.412.208.267</b>

**17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:**

• **Ngoại tệ các loại:**

	<b>31/03/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VNĐ</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>USD</b>	637.159,89	14.116.325.219	436.015,44	9.853.729.499
<b>EUR</b>	220,58	5.522.882	220,58	5.616.408

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

**Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
+ Doanh thu bán hàng	1.343.325.494.030	721.119.198.012
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.332.022.168	1.090.486.342
+ Doanh thu khác	467.355.093	229.905.544
<b>Cộng</b>	<b>1.345.124.871.291</b>	<b>722.439.589.898</b>

**b, Các khoản giảm trừ doanh thu:**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
Hàng bán bị trả lại	61.180.824	113.785.955
<b>Cộng</b>	<b>61.180.824</b>	<b>113.785.955</b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay,	336.744.066	440.457.564
Chiết khấu thanh toán	2.793.504	4.206.698
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.705.105.036	5.258.165.562
Lợi nhuận được chia	168.000.000	168.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.212.642.606</b>	<b>5.870.829.824</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***3. Chi phí tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
Chi phí lãi tiền vay	4.543.926.819	4.005.483.993
Lỗi chênh lệch tỷ giá thực hiện	3.153.798.881	1.119.079.606
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.930.793.786	1.527.623.084
<b>Cộng</b>	<b>9.628.519.486</b>	<b>6.652.186.683</b>

**4. Chi phí bán hàng:**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
Chi phí nhân viên	1.385.117.397	1.442.589.315
Chi phí vật liệu, bao bì	147.851.262	193.953.364
Chi phí dụng cụ đồ dùng	389.620.534	484.462.433
Chi phí khấu hao TSCĐ	246.262.018	243.065.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.443.842.651	14.748.641.782
Chi phí bằng tiền khác	3.973.586.190	2.741.950.869
<b>Cộng</b>	<b>33.586.280.052</b>	<b>19.854.663.107</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021</b>
Chi phí nhân viên	17.811.537.071	14.638.688.635
Chi phí đồ dùng văn phòng	606.179.868	649.866.931
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.400.872.569	2.872.081.102
Thuế, phí và lệ phí	3.326.239.417	1.250.580.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.699.434.632	2.793.591.653
Chi phí bằng tiền khác	8.030.825.432	5.865.927.858
<b>Cộng</b>	<b>36.875.088.989</b>	<b>28.070.736.852</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Thu nhập khác:**

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	313.300.000	86.363.637
Các khoản thu khác	1.180.251.525	134.236.229
<b>Cộng</b>	<b>1.493.551.525</b>	<b>220.599.866</b>

**7. Chi phí khác:**

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
Các khoản chi khác	620.687.379	618.348.130
<b>Cộng</b>	<b>620.687.379</b>	<b>618.348.130</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	558.774.746.164	259.166.976.959
Chi phí nhân công	324.017.520.247	220.770.773.098
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.602.013.480	32.443.098.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.936.117.470	117.361.976.755
<b>Cộng</b>	<b>1.089.330.397.361</b>	<b>629.742.824.918</b>

**9. Báo cáo bộ phận:**

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Thụy Điển
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021
Tổng doanh thu của bộ phận	405.287	200.892	309.599	81.948	110.647	67.686	104.221	104.629	96.716	44.280	140.128	42.869	178.526	180.137	1.345.125	722.440
Kết quả kinh doanh của bộ phận	27.298	12.739	30.518	8.934	4.295	3.969	6.514	7.830	22.164	6.842	36.844	12.331	27.758	20.238	155.391	72.883
Thu nhập không phân bổ															15.424	6.127
Chi phí không phân bổ															80.090	54.578
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															90.725	24.432
Thu nhập khác															1.494	221
Chi phí khác															621	618
Thuế TNDN															13.460	1.493
Lợi nhuận thuần sau thuế															78.138	22.541

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

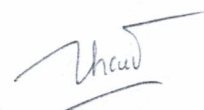
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc		Hoa kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	31/03/2022	01/01/2022	31/03/2022	01/01/2022	31/03/2022	01/01/2022	31/03/2022	01/01/2022	31/03/2022	01/01/2022	31/03/2022	01/01/2022	31/03/2022	01/01/2022	31/03/2022	01/01/2022
Tài sản của bộ phận	221.153	157.101	188.544	164.967	9.924	9.140	24.456	16.244	43.238	29.728	19.302	22.927	35.703	85.815	542.320	485.922
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ															1.657.801	1.854.842
<b>Tổng tài sản</b>															<b>2.200.122</b>	<b>2.340.765</b>
Nợ phải trả của bộ phận	8.156	16.119	8.187	25.452	56	-	-	-	-	-	4.295	8.061	4.429	2.861	25.123	52.493
Các khoản nợ không phân bổ															1.443.063	1.634.473
<b>Tổng nợ phải trả</b>															<b>1.468.185</b>	<b>1.686.966</b>

	Trung Quốc		Hoa kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021	3T2022	3T2021
Chi tiêu vốn															42.902	20.983
Khấu hao tài sản cố định hữu hình															31.400	32.208
Khấu hao tài sản cố định vô hình															180	178

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

